TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **197**/2023/HSPT
Ngày: 19 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2023/TLPT-HS ngày 25 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Võ Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HSST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo bị kháng cáo:

VÕ VĂN T - sinh năm: 1993 tại Bình Định; nơi cư trú: B Đ, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Ngân hàng TMCP B2; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn T, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2021; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Võ Văn T1: Ông Nguyễn Thế V - Luật sư hoạt động tại Công ty L4, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người bị hại có kháng cáo:

1. Bà Trương Thị H1 và ông Huỳnh Xuân V1. Cùng địa chỉ: Tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Bà Phan Thị Dư . Địa chỉ: Xóm B, thôn H, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. Bà Trần Thị G. Cùng địa chỉ: Tổ F, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

4. Ông Đặng Thành T2. Địa chỉ: Số A H, Tổ F, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

5. Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T3. Cùng địa chỉ: A T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị hại: ông Võ Đình D là Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng L5 tại M, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại khác, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2020, Ngân hàng TMCP B2 ký kết hợp đồng lao động với Võ Văn T1. Khi vào làm việc Võ Văn T1 là chuyên viên Phòng G1 - Chi nhánh Ngân hàng TMCP B2, với nhiệm vụ là tư vấn cho các khách hàng vay vốn, tiếp nhận hồ sơ vay, kiểm tra tính pháp lý và năng lực tài chính của khách hàng, đề xuất cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân cho khách hàng. Sau khi cấp hạn mức tín dụng, lập khế ước nhận nợ; lập hồ sơ giải ngân, tờ trình giải ngân trình lãnh đạo Ngân hàng ký duyệt; Võ Văn T1 chuyển hồ sơ giải ngân cho bộ phận giao dịch viên tiến hành giải ngân cho các khách hàng với hình thức chuyển khoản theo yêu cầu của khách hàng hoặc nhận tiền vay tại Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện, Võ Văn T1 đã tự ý mở 02 số tài khoản đứng tên Nguyễn Thị Mỹ L và Nguyễn Thị Thùy T4 (là các khách hàng đã vay trước đó), T1 quản lý và sử dụng. Để làm thủ tục hồ sơ cho 06 khách hàng như: Nguyễn Thị L1, Phan Thị D1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Phương T3, Trương Thị H1, Đặng Thành T2 vay vốn tại Ngân hàng B2; T1 làm mọi thủ tục như trên rồi trình cho anh Lê Thanh P (Giám đốc Ngân hàng) ký duyệt Hợp đồng tín dụng. Sau đó, T1 tiến hành làm hồ sơ giải ngân cho các khách hàng này thì T1 gian dối bằng cách đưa cho các khách hàng, ký tên mục "Người vay" và ký khống vào tờ giấy Ủy nhiệm chi, còn nội dung thì T1 nói dối với khách hàng để T1 tự điền, tránh khách hàng viết sai thông tin. Điều đó, đã làm cho các người đi vay tưởng thật để T1 tự điền thông tin vào hồ sơ vay và giải ngân; giấy Ủy nhiệm chi. Sau khi ký xong, T1 tự điền thông tin vào hồ sơ vay, giấy Ủy nhiệm chi và trình cho lãnh đạo Ngân hàng ký duyệt và chuyển hồ sơ cho bộ phận giao dịch viên thực hiện như những

nội dung mà T1 đã viết. Với thủ đoạn gian dối này; từ tháng 01 đến tháng 07 năm 2021, Võ Văn T1 đã làm hồ sơ vay vốn và giải ngân cho Nguyễn Thị L1, Phan Thị D1, Trương Thị H1, Đặng Thành T2, Nguyễn Thị Phương T3, Nguyễn Văn N vay với tổng số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 3.280.000.000đ, nhưng thực chất khi làm hồ sơ giải ngân cho những người này thì T1 nói dối là Ngân hàng chỉ cho vay 1.700.000.000đ. Còn lại số tiền 1.580.000.000đ, T1 chiếm đoạt trả nợ cá nhân và trả nợ trò chơi game như bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá…trên trang Web "Fun 88.Com", cụ thể như sau:

1. Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Nguyễn Thị L1 *với số tiền 150.000.000đ.*

Ngày 27/01/2021, Nguyễn Thị L1 quen biết với Võ Văn T1 và có đến Ngân hàng TMCP B2 - Chi nhánh B3 làm thủ tục vay vốn với số tiền 650.000.000đ. Khi đó, Võ Văn T1 tiếp nhận hồ sơ và làm Hợp đồng tín dụng số 008/2021 để cho Nguyễn Thị L1 ký kết với Ngân hàng B2. Khi vay vốn chị L1 có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Võ Văn T1 làm hồ sơ giải ngân cho chị L1, bằng cách đưa tờ chứng từ giải ngân cho chị L1 ký ở mục "Người vay" và tờ giấy Ủy nhiệm chi cho chị L1 ký, nhưng chưa điền thông tin và T1 nói dối *"là để* T1 *viết giúp cho chị* L1 *tránh khỏi viết sai"* nên chị L1 tin tưởng mà không kiểm tra nội dung đã ký vào mục "Bên vay" của hồ sơ giải ngân vay và giấy Ủy nhiệm chi. Sau đó, T1 tự điền thông tin về nội dung Ủy nhiệm chi qua số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L mở tại Ngân hàng V2 (số tài khoản này do T1 quản lý, sử dụng) rồi trình cho anh Võ Thành T5 (Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng B2) ký duyệt và chuyển hồ sơ giải ngân cho bộ phận giao dịch viên là Trần Nữ Hoài N1 thực hiện theo những nội dung Ủy nhiệm chi trên hồ sơ. Sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền 650.000.000đ qua số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L thì Võ Văn T1 nói dối với Nguyễn Thị L1 là Ngân hàng chỉ cho vay với số tiền 500.000.000đ, rồi T1 sử dụng hệ thống Banking chuyển số tiền 500.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Thị L1 nhận. Còn số tiền 150.000.000đ của chị L1, T1 chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân cho Trần Thị Nhã Q, Lê Trọng H2, Trương Thị Kim T6 hết số tiền 13.000.000đ và chuyển trả nợ tiền cá độ bóng đá hết 65.000.000đ, còn lại tiêu xài cá nhân.

2. Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Phan Thị D1 *với số tiền 80.000.000đ.*

Ngày 18/5/2021, Phan Thị D1 đến Ngân hàng B2 đặt vấn đề vay vốn và gặp Võ Văn T1 là cán bộ tín dụng làm hồ sơ cho Phan Thị D1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 063/2021 vay với số tiền 280.000.000đ, có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở xã C, huyện V. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Võ Văn T1 yêu cầu chị Phan Thị D1 mở tài khoản tại Ngân hàng để tiến hành làm thủ tục giải ngân cho chị D1 thì chị D1 đồng ý mở tài khoản đứng tên Phan Thị D1, nhưng khi đến phần ghi số điện thoại thì T1 ghi số điện thoại của T1 là 0932.331.223 thì anh Nguyễn Khương T7 (con chị D1) thắc mắc "*sao không ghi số điện thoại của mẹ*" thì T1 trả lời "*Đó chỉ là thủ tục, chứ trước sau gì chị* D1 *cũng rút tiền*".

Khi có số tài khoản thì T1 nói dối chị D1 là *"Ngân hàng chỉ cho vay số tiền 200.000.000đ, và nói chị* D1 *đem nộp vào tài khoản với số tiền 80.000.000đ, để trả lãi cho Ngân hàng"*. Nghe vậy, chị D1 đồng ý thì T1 đưa địa chỉ Email và số điện thoại của T1 để chị D1 nộp số tiền 80.000.000đ vào số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L. Sau đó, T1 sử dụng hệ thống B chuyển số tiền này vào tài khoản của T1 80.000.000đ chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân cho Nguyễn Thị Thái T8, Âu Nguyên T9 với số tiền 52.400.000đ. Còn lại sử dụng trả nợ cá cược bóng đá cho Nguyễn Thị B1 và tiêu xài cá nhân.

3. Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Nguyễn Văn N *với số tiền 200.000.000đ*

Ngày 05/02/2021, Nguyễn Văn N2 Ngân hàng B2 ký kết hợp đồng tín dụng số: 012/2021 vay với số tiền 800.000.000đ, khi vay có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại khu tái định cư Q, phường T, TP Q. Khi đó, Võ Văn T1 làm thủ tục hồ sơ giải ngân cho anh Nguyễn Văn N với số tiền 600.000.000đ để anh N nhận. Còn lại số tiền vay là 200.000.000đ anh N chưa nhận. Lúc này, T1 nói dối với anh N,*"khoản vay 600.000.000đ,* T1 *sẽ chia làm ba đợt, mỗi đợt chỉ có 200.000.000đ và khoản vay trước đã đến hạn, nên* T1 *sẽ cho anh* N *mượn 200.000.000đ để làm thủ tục đáo hạn"* thì anh N đồng ý. Đến ngày 31/5/2021, anh N đến ngân hàng B2 đề nghị giải ngân số tiền 200.000.000đ còn lại theo Hợp đồng tín dụng thì T1 lấy hồ sơ giải ngân đưa cho anh N ký vào tờ giấy Ủy nhiệm chi, nhưng anh N tin tưởng không kiểm tra nội dung bên trong tờ giấy Ủy nhiệm chi. Sau khi ngân hàng giải ngân cho anh N rút số tiền 200.000.000đ thì T1 nói "*Trả tiền cho* T1 *vì lúc trước anh* N *mượn để đáo hạn cho khoản vay trước; tiền đó là tiền mượn của* Nguyễn Thị Mỹ L*"* nên anh N đã chuyển qua số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L (tài khoản này do T1 quản lý sử dụng) với số tiền 200.000.000đ. Để tránh anh N nghi ngờ, T1 lấy một Bản xác nhận số dư ghi ngày 31/5/2021 có đóng dấu vuông của ngân hàng đưa cho anh N xem là tổng dư nợ của anh N là 600.000.000đ, nhưng thực chất dư nợ vay là 800.000.000đ (Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết). T1 chiếm đoạt 200.000.000đ của anh Nguyễn Văn N sử dụng trả nợ cá nhân cho chị Nguyễn Thị Thái T8, Phan Thanh T10 với số tiền 184.130.000đ và trả tiền cá độ bóng đá qua game cho Lương Thế L2 hết 13.120.000đ, còn lại 2.750.000đ tiêu xài cá nhân.

4. Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Đặng Thành T2 *với số tiền 450.000.000đ.*

Ngày 13/01/2021, Đặng Thành T2 ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B2 vay số tiền 450.000.000đ, khi vay có thế chấp tài sản là xe ô tô biển số 77A -099.82 với thời hạn 06 tháng. Ngày 13/7/2021, anh Đặng Thành T2 đã tất toán khoản vay này, kể cả gốc và lãi. Ngày 14/7/2021, Đặng Thành T2 đề nghị Võ Văn T1 làm thủ tục cho vay lại cũng với số tiền 450.000.000đ. Khi đó, Võ Văn T1 làm thủ tục hồ sơ để Đặng Thành T2 ký kết Hợp đồng tín dụng số 114/2021 với Ngân hàng B2 vay số tiền 450.000.000đ.

Để được giải ngân số tiền vay này, T1 đưa bộ hồ sơ giải ngân cho anh T2 ký, khi ký T1 dùng thủ đoạn gian dối như che, đè và lật từng tờ chứng từ kể cả tờ giấy Ủy nhiệm chi để vợ chồng anh T2 ký ở mục "Bên vay". Sau khi ký xong, T1 hẹn khi nào Ngân hàng giải ngân thì báo cho anh T2 biết để rút tiền. Sau đó, T1 tự điền thông tin vào tờ giấy Ủy nhiệm chi "*ghi là số tiền vay của anh* T2 *chuyển qua số tài khoản của* Nguyễn Thị Mỹ L*"* (tài khoản này do T1 quản lý sử dụng) rồi trình cho anh Võ Thành T5 (Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng B2) ký duyệt và chuyển hồ sơ giải ngân cho giao dịch viên thực hiện chuyển số tiền 450.000.000đ vào số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ L. Lúc này, T1 sử dụng hệ thống B chuyển vào tài khoản của Võ Văn T1 mở tại Ngân hàng V2 để chiếm đoạt rồi trả nợ cho Nguyễn Thị L1 10.000.000đ, trả nợ tiền cá cược bóng đá cho Lộc Văn H3 hết 50.000.000đ, trả cho Nguyễn Văn H4 hết 190.000.000đ, trả cho Trần A Nhật hết 200.000.000đ.

5. Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Nguyễn Thị Phương T3 *với số tiền 400.000.000đ.*

Ngày 28/6/2021, Nguyễn Thị Phương T3 đến Ngân hàng B2 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 104/2021 với số tiền 500.000.000đ, có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất. Sau khi ký kết Hợp đồng chị Nguyễn Thị Phương T3 đề nghị T1 làm hồ sơ giải ngân cho chị T3 với số tiền 100.000.000đ và khi nào cần sẽ vay tiếp. Do có sự tin tưởng, nên T1 đưa bộ hồ sơ giải ngân và dùng tờ giấy đè, che và lật từng tờ chứng từ, giấy Ủy nhiệm chi đưa cho chị T3 và anh Nguyễn Minh Đ (Chồng) ký ở mục "Người vay" mà không kiểm tra nội dung bên trong. Sau khi ký xong, T1 hẹn khi nào Ngân hàng giải ngân thì thông báo cho chị T3 biết rút tiền. Sau đó, T1 tự điền thông tin trên hồ sơ giải ngân và giấy Ủy nhiệm chi, "*Thành ghi là chuyển 500.000.000đ vào số tài khoản số 770001060000807 mang tên* Nguyễn Thị Thùy T4 *mở tại* Ngân hàng B2*"* (Số tài khoản này do T1 quản lý, sử dụng) rồi trình cho anh Võ Thành T5 (Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng B2) ký duyệt và chuyển cho giao dịch viên thực hiện việc giải ngân cho khách hàng với số tiền 500.000.000đ. Sau đó, T1 sử dụng hệ thống B chuyển cho Nguyễn Thị Phương T3 với số tiền 100.000.000đ. Còn chiếm đoạt 400.000.000đ, T1 sử dụng trả nợ cá nhân cho Đinh Thị Bích N3, Phạm Thị Thanh H5 số tiền 161.104.000đ và chi trả tiền đánh bạc cho chị Hoàng Thị T11, Lê Thị Thùy L3, Nguyễn Văn H4 hết 224.096.000đ. Còn lại 15.000.000đ tiêu xài cá nhân.

6. Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Trương Thị H6 *số tiền 300.000.000đ.*

Ngày 07/7/2021, Trương Thị H1 đến Ngân hàng B2 gặp Võ Văn T1 đặt vấn đề vay vốn và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại tổ D, KV G, phường N, Tp Q. Mọi thủ tục hồ sơ vay và giải ngân cho chị Trương Thị H1 đều do T1 trực tiếp làm và lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay với số tiền 600.000.000đ. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng chị H1 được giải ngân với số tiền 300.000.000đ. Đến ngày 21/7/2021, chị Trương Thị H1 yêu cầu T1 làm hồ sơ giải ngân cho chị vay tiếp số tiền 100.000.000đ nên nhờ T1 làm hồ sơ giải

ngân. Khi đó, Võ Văn T1 mới dùng thủ đoạn gian dối bằng cách như che, đè lên hồ sơ và giấy Ủy nhiệm chi đưa cho Trương Thị H1 ký ở mục "Người vay". Sau khi ký xong, T1 hẹn khi nào lãnh đạo duyệt thì T1 sẽ thông báo để chị H1 biết rút tiền. Sau đó, T1 tự viết thông tin trên tờ giấy Ủy nhiệm chi mà chị H1 đã ký trước đó *"Chuyển số tiền vay là 300.000.000đ vào số tài khoản của* Nguyễn Thị Thu T12 *(là bạn) mở tại* Ngân hàng A1*"* rồi trình cho anh Võ Thành T5 (Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng B2) ký duyệt và chuyển cho giao dịch viên thực hiện việc giải ngân số tiền 300.000.000đ vào tài khoản của Nguyễn Thị Thu T12. Việc Nguyễn Thị Thu T12 cho Võ Văn T1 mượn số tài khoản là T1 nói dối với T12 T1*h là nhân viên ngân hàng không thể sử dụng tài khoản của mình nên mượn số tài khoản để người khác chuyển tiền cho* T1 *để đáo hạn Ngân hàng, nên* T12 *đồng ý cung cấp số tài khoản của mình là 4300205342100 cho* T1*"*. Khi khoản tiền vay của chị H1 được Ngân hàng B2 giải ngân, chuyển qua số tài khoản của Nguyễn Thị Thu T12 (theo giấy Ủy nhiệm chi) thì T1 nói T12 chuyển qua số tài khoản của T1 mở tại V2, để thành chiếm đoạt trả nợ cho Trần Anh N4 và Lê Thị Thùy L3 hết 300.000.000đ.

Đến ngày 22/7/2021, Trương Thị H1 đến Ngân hàng B2 hỏi T1 "*Sao khoản vay 300.000.000đ của chị không thấy chuyển cho chị*" thì T1 trả lời T1*h đã sử dụng hết và hẹn trả dần và viết giấy nhận nợ thế chấp xe mô tô cho chị* H1 *giữ"*, nên chị H1 làm đơn tố cáo đối với Võ Văn T1.

Ngoài ra, Võ Văn T1 có mượn của Vũ Quang Q1 số tiền 270.000.000đ và khi mượn thì T1 có viết "Giấy mượn tiền" đưa cho anh Quảng giữ. Do vậy, hành vi này không xem xét xử lý về mặt hình sự mà chỉ xử lý bằng vụ kiện dân sự, khi anh Vũ Quang Q1 có đơn yêu cầu khởi kiện.

Ngày 15/10/2021, Phòng K Công an tỉnh Bình Định đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên 06 hồ sơ vay của Trương Thị H1, Phan Thị D1, Nguyễn Thị L1, Đặng Thành T2 dưới mục "Chủ tài khoản ký và đóng dấu" với chữ viết và chữ ký của Trương Thị H1, Phan Thị D1, Nguyễn Thị L1, Đặng Thành T2 là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết dưới mục "Bên vay" của Nguyễn Thị Phương T3 là do cùng một người viết ra. Chữ viết trên giấy Ủy nhiệm chi trừ mục chủ tại khoản ký và đóng dấu với chữ viết của Võ Văn T1 là do cùng một người viết ra.

Về dân sự: Buộc bị can phải có trách nhiệm trả nợ cho Nguyễn Thị L1 số tiền 150.000.000đ, cho Phan Thị D1 số tiền 80.000.000đ, cho Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000đ, trả cho Nguyễn Thị Phương T3 số tiền 400.000.000đ, cho Đặng Thành T2 số tiền 450.000.000đ, cho Trương Thị H1 số tiền 300.000.000đ.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Văn T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Văn T1 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/11/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

3.1. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Võ Văn T1 phải bồi thường cho những người bị hại như sau:

+ Bà Nguyễn Thị L1: 150.000.000 đồng.

+ Bà Phan Thị D1: 80.000.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn N: 200.000.000 đồng.

+ Ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G: 450.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Phương T3, ông Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Thị Phương T13: 400.000.000 đồng.

+ Bà Trương Thị H1 và ông Huỳnh Xuân V1: 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự (tội danh và hình phạt) trách nhiệm dân sự, quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2023, những người bị hại Phan Thị D1, Đặng Thành T2 và Trần Thị G, Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Thị Phương T3 có Đơn kháng cáo có cùng nội dung: Kháng cáo đối với phần trách nhiệm dân sự và buộc Ngân hàng phải chịu hậu quả pháp lý khi hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vô hiệu, buộc Ngân hàng trả lại toàn bộ tài sản thế chấp cho các bị hại.

Ngày 12/6/2023, người bị hại Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1 có Đơn xin rút yêu cầu kháng cáo, với lý do: Ngân hàng và các bị hại đã thỏa thuận và thống nhất việc giải quyết yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bị hại Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1 đã rút toàn bộ kháng cáo; những người bị hại khác bà Phan Thị D1, ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Bị cáo Võ Văn T1 có hành vi gian dối để chiếm tiền các bị hại sau khi hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản cho Ngân hàng đã ký kết, Tòa án sơ thẩm buộc bị cáo phải trả cho các bị hại là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị hại trình bày: Bị cáo Võ Văn T1 là người của ngân hàng, khi làm thủ tục vay tiền đã gian dối chiếm đoạt tiền của những người bị hại, đề nghị Ngân hàng phải có trách nhiệm trả các khoản tiền mà bị cáo T1 đã chiếm đoạt cho các bị hại, hợp đồng thế chấp tài sản của các bị hại đối với Ngân hàng là vô hiệu, việc Tòa án sơ thẩm tách vụ việc dân sự để giải quyết vụ án khác là không đúng.

Những người bị hại trình bày điều thông nhất với lời trình bày bảo vệ của luật sư và đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng trả nợ số tiền bị cáo chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người bị hại Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1 đã rút toàn bộ kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với phần dân sự của Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1.

[2] Xét kháng cáo của những người bị hại khác, thấy: Bị cáo Võ Văn T1 đã lợi dụng nghề nghiệp lừa dối khách hàng vay vốn tại Ngân hàng B2 để chiếm đoạt tài sản là tiền vay của 06 cá nhân. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền chiếm đoạt 1.580.000.000 đồng, Bị cáo đồng ý theo yêu cầu của các bị hại nên Tòa án sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bên theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Bị cáo phải bồi thường cho các bị hại có kháng cáo cụ thể như sau: Bà Phan Thị D1: 80.000.000 đồng, ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G: 450.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Phương T3, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T13: 400.000.000 đồng. Những người bị hại kháng cáo yêu cầu buộc Ngân hàng B2 phải chịu hậu quả pháp lý hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vô hiệu và buộc Ngân hàng B2 phải trả lại tài sản thế chấp cho các bị hại là không có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm những người bị hại không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự (tội danh và hình phạt), trách nhiệm dân sự, quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự,

xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí phúc thẩm bà Phan Thị D1 (sinh năm 1962) là người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm; bị hại bà Trương Thị H1 và ông Huỳnh Xuân V1 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa do đó phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm. Những người bị hại khác ông Đặng Thành T2 và Trần Thị G, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T3 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án(điểm c khoản 2 Điều 23).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị hại Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật về quyết định phần dân sự đối với người bị hại Trương Thị H1 và Huỳnh Xuân V1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Phan Thị D1, ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T3 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HSST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Cụ thể: Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Võ Văn T1 phải bồi thường cho những người bị hại như sau:

+ Bà Phan Thị D1: 80.000.000 đồng.

+ Ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G: 450.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Phương T3, ông Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Thị Phương T13: 400.000.000 đồng.

3. Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2023/HSST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về trách nhiệm hình sự (tội danh và hình phạt), về trách nhiệm dân sự, về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự, về xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Những người bị hại ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T3 phải chịu 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/-/2021/0000313 ngày 12/4/2023, số AA-2021/0000314 ngày 12/4/2023 của Cục Thi hành án dân sựu tỉnh Bình Định. Những người bị hại ông Đặng Thành T2 và bà Trần Thị G, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Phương T3 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Người bị hại bà Phan Thị D1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Người bị hại bà Trương Thị H7 ông Huỳnh Xuân V1 phải chịu 150.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; hoàn trả cho người bị hại bà Trương Thị H1 và ông Huỳnh Xuân V1 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm còn lại số tiền 150.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA-2021/0000311 ngày 12/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Bà Trương Thị H1 và ông Huỳnh Xuân V1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao – Vụ GĐKT 1;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Phòng HSNV CA Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn